

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/12/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
trả nợ chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngạch; ông Nguyễn Quốc Thảo.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà:** Không.

Ngày 12/12/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/8/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, trả nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-DS ngày 24/11/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: xóm X, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ liên lạc: số nhà Y đường Trần Hưng Đ, khối L, thị trấn E, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H; sinh năm: 1975; địa chỉ: xóm X, xã Hương Lâm, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Ngân hàng Agribank); địa chỉ trụ sở: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; người đại diện hợp pháp ông Nguyễn D, Phó giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hương Khê, Hà Tĩnh II; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2023, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh vào năm 1999 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm X, xã H, tình cảm vợ chồng hạnh phúc, sinh được 04 người con, cho đến năm 2015 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn lớn trong gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường uống rượu say về nhà chửi bới, đánh đập vợ con, đến tháng khoảng tháng 10/2017 buộc chị phải bỏ nhà đi làm ăn và sau đó về đưa con vào Đăk Nông sinh sống. Mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng vì con cái nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hòa giải được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 4 người con chung tên là Nguyễn Trang N, sinh ngày 01/10/1999; Nguyễn Hữu G, sinh ngày 10/01/2004; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 10/01/2004 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26/3/2011. Các con Nguyễn Trang N, Nguyễn Hữu G, Nguyễn Thị Yến N đều đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Tiến D dưới 18 tuổi chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy xác nhận về kết hôn do UBND xã H xác nhận; bản phô tô chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân, giấy khai sinh các con; xác nhận thông tin cư trú; bản tự khai; bản trình bày ý kiến; đơn trình bày (xác nhận của Trường THCS P, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông); giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Tại bản tự khai đề ngày 14/8/2023, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống như chị T trình bày. Anh thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng có xảy ra cãi vã, cho đến ngày 15/9/2017 thì chị T bỏ nhà đi và sau đó chị về đưa con đi cùng vào sinh sống ở Đăk Nông, không còn sống chung với anh từ đó đến nay. Bản thân anh là bị đơn nên anh cũng nhất trí ly hôn với chị T nhưng hai người phải chia đôi trả nợ ngân hàng là 50.000.000đ.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung đúng như chị T trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Tiến D và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có một căn nhà 3 gian và đất đang ở anh muốn để lại cho con; có vay nợ Ngân hàng nông nghiệp 50.000.000đ và nợ của người khác, do đó yêu cầu chị T phải trả nợ trước khi ly hôn. Anh không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản tự khai, đề ngày 14/8/2023.

Ý kiến trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26/3/2011: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống chung cùng với mẹ.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Agribank trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H do có nhu cầu vay vốn chăn nuôi trâu nên đã ký hợp đồng tín dụng số 3707LAV201603599 ngày 03/8/2016 với Ngân hàng Agribank để vay số tiền là 50.000.000đ; lãi suất cho vay là 11%/năm; thời hạn cho vay là 36 tháng, kể từ ngày 03/8/2016 đến ngày 03/8/2019. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 50.000.000đ tiền mặt cho khách hàng vào ngày 03/8/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, khách hàng đã trả lãi đến ngày 31/5/2019 với số tiền là 15.766.566 đồng và trả nợ gốc số tiền là 11.111.000đ. Đến nay dư nợ gốc của chị T và anh H tại Ngân hàng Agribank là 49.988.889 đồng. Khoản nợ trên đã quá hạn từ ngày 04/8/2019 và từ đó đến nay Ngân hàng Agribank đã thông báo nợ đến hạn, thông báo chuyển nợ quá hạn và nhiều lần yêu cầu chị T, anh H trả nợ nhưng khách hàng vẫn không phối hợp trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T và anh H phải trả cho Ngân hàng Agribank tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền là 86.567.813 đồng (trong đó, nợ gốc 49.988.889 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 12/12/2023 là 36.578.924 đồng) và đề nghị chia kỷ phần trả nợ của mỗi người là $\frac{1}{2}$ số nợ trên; đồng thời, tiếp tục tính lãi sau thời điểm xét xử (lãi trong hạn và lãi quá hạn) phát sinh tăng thêm của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng số 3707LAV201603599 đã ký ngày 03/8/2016.

Các tài liệu, chứng cứ do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp: Bản sao các Quyết định ủy quyền số 623/NHNo.HK ngày 29/8/2023; Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2012; giấy ủy quyền ngày 29/7/2016; thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 06/8/2019; giấy báo nợ đến hạn ngày 28/7/2019; giấy xác nhận đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/7/2016; giấy đề nghị cơ cấu kiêm phương án trả nợ ngày 08/8/2016; giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 29/7/2016; sổ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 03/8/2016; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của chị Thảo, anh Hoàng; bảng kê tính lãi; các thông báo đòi nợ từ năm 2019 - 2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có địa chỉ cư trú tại xóm X, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà

Tình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”, ngày 29/8/2023 Ngân hàng Agribank có đơn yêu cầu độc lập buộc chị T, anh H trả nợ chung nên ngày 05/9/2023 Tòa án đã thụ lý bổ sung yêu cầu “*Trả nợ chung khi ly hôn*” trong cùng vụ án.

[1.3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh H nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án không đương sự nào yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh H và chị T trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hương Khê vào ngày 16/01/1999 nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuối năm 2017 thì chị T đưa con đi vào Đắk Nông làm ăn. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, tin tưởng nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hội nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 4 người con chung. Các con chung Nguyễn Trang N, sinh ngày 01/10/1999; Nguyễn Hữu G và Nguyễn Yến N, đều sinh ngày 10/01/2004, đều đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Đối với con chung Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26/3/2011 (chưa đủ 18 tuổi), hiện đang học lớp 7, Trường THCS P, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông; chị T, anh H đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, không ai yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con; cháu Nguyễn Tiến D hiện trên 07 tuổi có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì muốn được tiếp tục sống cùng với mẹ. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo tốt nhất mọi mặt về vật chất và tinh thần cho con. Chị T hiện đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, cháu D được chị T trực tiếp chăm sóc, tham gia học tập đầy đủ, phát triển bình thường, khỏe mạnh; đồng thời, chị T trình bày cung cấp tài liệu có công việc, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Anh H trình bày cũng có nguyện vọng nuôi con nhưng không phối hợp có mặt, không cung cấp tài liệu để chứng minh điều kiện nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý, việc học tập, phát triển bình thường của con, Hội đồng xét xử cần giao con chung là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26/3/2011 cho chị T được

trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét. Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con sau khi hôn theo quy định.

[2.3] Về yêu cầu trả nợ chung khi ly hôn của Ngân hàng Agribank:

[2.3.1] Ngày 29/7/2016, anh Nguyễn Văn H lập văn bản ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T làm đại diện cho hộ gia đình trong mọi quan hệ vay vốn với Ngân hàng Agribank; đồng thời, anh H và chị T cùng ký Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn và Sổ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (dùng cho hộ gia đình, cá nhân vay vốn không phải bảo đảm bằng tài sản theo quy định của Chính phủ) với Ngân hàng Agribank, đề nghị vay số tiền 50.000.000đ; mục đích vay vốn: chăn nuôi trâu; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 11%/năm. Xét thấy giấy ủy quyền, giấy đề nghị vay vốn, sổ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 29/7/2016 giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện; những người tham ký kết có đủ thẩm quyền, đủ năng lực pháp luật và hành vi dân sự; hình thức, nội dung không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Nội dung và hình thức giao dịch tuân thủ Điều 116, 117, 119 Bộ luật Dân sự, nên xác định là hợp đồng hợp pháp, do đó, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

[2.3.2] Ngân hàng Agribank đã thực hiện nghĩa vụ giải ngân số tiền 50.000.000 đồng cho khách hàng vào ngày 03/8/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía khách hàng đã trả lãi cho Ngân hàng Agribank đến ngày 31/5/2019 được số tiền là 15.766.516 đồng, nhưng từ ngày 01/6/2019 đến nay khách hàng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn. Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên sang nợ quá hạn và hằng năm thông báo đòi nợ nhưng phía khách hàng không phối hợp trả nợ. Như vậy, chị T, anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng Agribank khởi kiện yêu cầu buộc trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là hoàn toàn có căn cứ.

[2.3.4] Trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện tại bản tự khai, biên bản hòa giải, anh H đều thừa nhận vợ chồng còn nợ Ngân hàng Agribank số tiền 50.000.000đ. Tại phiên tòa chị T hoàn toàn đồng ý thừa nhận số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử như đại diện của Ngân hàng Agribank trình bày. Do đó, Ngân hàng Agribank yêu cầu chị T, anh H phải trả tổng số tiền 86.567.813 đồng đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng Agribank đã cung cấp, phù hợp với lời trình bày của chị T, anh H và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, buộc chị T, anh H phải trả cho Ngân hàng Agribank số tiền nợ gốc 49.988.889đ đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm chưa thanh toán là 36.578.924 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm khách hàng phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký ngày 03/8/2016. Do vợ chồng đã

ly hôn nên Ngân hàng Agribank yêu cầu chia kỷ phần trả nợ của chị T, anh H tương ứng mỗi người phải chịu 50% số nợ phải trả cho ngân hàng là phù hợp, bảo đảm thuận lợi cho việc thi hành án.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; yêu cầu độc lập của Ngân hàng Agribank được chấp nhận nên buộc chị T, anh H phải chịu án phí trả nợ chung có giá ngạch, cụ thể chị T, anh H mỗi người chịu 50% số tiền án phí; trả lại cho Ngân hàng Agribank số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 116, 117, 119, 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26/3/2011, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định.

3. Về trả nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Agribank. Buộc chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn H phải trả nợ cho Ngân hàng Agribank tổng số tiền là 86.567.813 đồng (trong đó nợ gốc là 49.988.889 đồng, nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.578.924 đồng), cụ thể kỷ phần của chị Nguyễn Thị T số tiền là 43.283.906 đồng và kỷ phần của anh Nguyễn Văn H số tiền là 43.283.906 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (13/12/2023), chị T, anh H tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký ngày 03/8/2016.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Thảo được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007938 ngày 04/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê.

Buộc chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn H phải nộp 4.328.390 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể kỷ phần của chị T là 2.164.195 đồng và kỷ phần của anh H là 2.164.195 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Agribank số tiền 2.090.018 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007950 ngày 31/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- UBND xã Hương Lâm;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng